

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 15/3/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con giữa ông P với bà D”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Duy P**, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Số C, đường N, phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Bà Trần Ngọc D**, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Số M, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông P và bà D yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2022, Bản tự khai, Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn ông Nguyễn Duy P trình bày:

Ông và bà D kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 15/01/2009 do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù ông và bà D đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông và bà D đã ly thân khoảng 05 năm. Nay tình cảm giữa ông với bà D không còn nên ông xin ly hôn với bà D.

Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T sinh ngày 24/02/2009. Sau khi ly hôn, bà D nuôi con chung, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc ông không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với bà D nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông. Ông cam kết không khiếu nại về sau.

Tại Biên bản làm việc ngày 20/02/2023, bị đơn bà Trần Ngọc D trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Duy P ngày 08/12/2022 bà đồng ý với yêu cầu của ông P. Bà thống nhất với ông P về thời gian kết hôn, nơi kết hôn, đời sống, mâu thuẫn vợ chồng. Bà và ông P đã ly thân hơn 05 năm nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn với ông P.

Về con chung: bà và ông P có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T sinh ngày 24/02/2009, cháu Trúc hiện đang sống với bà D. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung. Bà đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

Vì lý do sức khỏe bà D yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Đây là ý chí tự nguyện của bà không ai ép buộc.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến:

- Về tố tụng: quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

- Về nội dung: Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Duy P với bà Trần Ngọc D. Về con chung: sau khi ly hôn bà D được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc T sinh ngày 24/02/2009. Ông Nguyễn Duy P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho

đến khi con chung trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: ông P và bà D cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: : Nguyên đơn ông Nguyễn Duy P khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà Trần Ngọc D. Hiện nay bà Trần Ngọc D đang cư trú tại phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Nguyễn Duy P và bị đơn bà Trần Ngọc D có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P và bà D là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: ông P và bà D tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/01/2009 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông P, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù ông và bà D đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông P và bà D đã ly thân với nhau hơn 05 năm. Bà D thống nhất với ông P về những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng và cũng đồng ý ly hôn với ông P. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông P và bà D.

[2.2] Về con chung: con chung tên Nguyễn Ngọc T sinh ngày 24/02/2009 hiện đang sống chung với bà D, có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định. Ông P yêu cầu sau khi ly hôn, con chung do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, bà D cũng có yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Ngọc T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ngọc T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận việc ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông P và bà D cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng 300.000đồng ông P phải chịu theo quy định của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Duy P với bà Trần Ngọc D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc T sinh ngày 24/02/2009 cho bà Trần Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông Nguyễn Duy P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông P và bà D cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010105 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông P còn phải nộp tiếp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương